

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
NGÀY THI: 01/7/2017

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp TT	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
1	Hoàng Trường An	CNTT01	02/12/1995	Đồng Mỏ - Chi Lăng - Lạng Sơn	CNTTCB03	9,0	8,5	Đạt	
2	Dương Tú Anh	CNTT02	22/8/1994	Trường Thọ - An Lão - Hải Phòng	CNTTCB14	7,2	7,0	Đạt	
3	Ngô Thị Hoàng Anh	CNTT03	28/7/1975	TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	CNTTCB14	8,7	9,0	Đạt	
4	Nguyễn Thế Anh	CNTT04	23/6/1994	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	CNTTCB15	8,2	6,0	Đạt	
5	Nguyễn Thị Lan Anh	CNTT05	08/3/1995	Lãng Sơn - Yên Dũng - Bắc Giang	CNTTCB09	8,2	5,0	Đạt	
6	Nguyễn Thị Vân Anh	CNTT06	08/5/1995	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB11	8,0	5,5	Đạt	
7	Đinh Bạt Ánh	CNTT07	22/02/1996	Hưng Trung - Hưng Nguyên - Nghệ An	CNTTCB06	8,0	5,5	Đạt	
8	Nguyễn Thị Bích	CNTT08	31/7/1995	Khúc Xuyên - Bắc Ninh	CNTTCB15	5,2	6,0	Đạt	
9	Mạc Văn Bình	CNTT09	21/6/1996	Nam Dương - Lục Ngạn - Bắc Giang	CNTTCB01	6,0	5,0	Đạt	
10	Sùng Mí Chía	CNTT10	13/4/1992	Sảng Tùng - Đồng Văn - Hà Giang	CNTTCB15	7,5	5,0	Đạt	
11	Hoàng Thị Chúc	CNTT11	06/12/1996	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB14	8,7	5,0	Đạt	
12	Nông Quốc Cường	CNTT12	10/6/1996	Bắc Hợp - Nguyên Bình - Cao Bằng	CNTTCB07	7,5	5,0	Đạt	
13	Trần Văn Đại	CNTT13	04/02/1995	Tiên Lục - Lạng Giang - Bắc Giang	CNTTCB04	5,7	5,0	Đạt	
14	Phạm Văn Đạt	CNTT14	03/9/1996	TT Nông Trường - Mộc Châu - Sơn La	CNTTCB14	7,2	5,5	Đạt	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp TT	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
15	Bùi Nam Định	CNTT15	30/01/1995	Trực Đạo - Trực Ninh - Nam Định	CNTTCB14	5,0	5,0	Đạt	
16	Ngô Văn Đức	CNTT16	17/12/1994	Phúc Sơn - Tân Yên - Bắc Giang	CNTTCB15	7,5	5,5	Đạt	
17	Trần Thị Dung	CNTT17	03/02/1995	Đan Hội - Lục Nam - Bắc Giang	CNTTCB06	7,7	6,0	Đạt	
18	Nguyễn Duy Dũng	CNTT18	18/4/1996	Kim Bài - Thanh Oai - Hà Nội	CNTTCB03	6,2	6,0	Đạt	
19	Dương Tùng Dương	CNTT19	11/4/1996	Hương Vĩ - Yên Thế - Bắc Giang	CNTTCB01	5,2	5,0	Đạt	
20	Khuong Mạnh Hà	CNTT20	07/11/1978	Hà Nội	CNTTCB14	8,2	8,5	Đạt	
21	Diêm Công Hậu	CNTT21	18/10/1996	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB14	5,2	5,0	Đạt	
22	Đinh Văn Hiếu	CNTT22	26/01/1996	Văn Phong - Nho Quan - Ninh Bình	CNTTCB03	6,7	5,5	Đạt	
23	Đỗ Văn Hoàn	CNTT23	12/02/1995	Đông Lỗ - Hiệp Hoà - Bắc Giang	CNTTCB14	6,5	5,0	Đạt	
24	Hoàng Thái Hoàn	CNTT24	08/9/1986	Hữu Lũng - Lạng Sơn	-	5,7	5,0	Đạt	
25	Thân Văn Hoàng	CNTT25	03/11/1994	Tăng Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	-	7,5	5,0	Đạt	
26	Phạm Văn Hợp	CNTT26	30/5/1994	Vũ Xá - Lục Nam - Bắc Giang	CNTTCB09	6,7	5,0	Đạt	
27	Nguyễn Thị Huân	CNTT27	11/4/1996	Khắc Niệm - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	CNTTCB07	8,2	5,0	Đạt	
28	Hà Văn Hưng	CNTT28	18/4/1995	Lương Phong - Hiệp Hoà - Bắc Giang	CNTTCB01	7,0	6,1	Đạt	
29	Nguyễn Văn Hưng	CNTT29	06/8/1996	Đức Thắng - Hiệp Hoà - Bắc Giang	CNTTCB05	7,5	5,8	Đạt	
30	Bùi Quang Huy	CNTT30	13/01/1996	TP.Hưng Yên - Hưng Yên	CNTTCB06	8,0	5,0	Đạt	
31	Hoàng Văn Khoa	CNTT31	27/11/1995	Hoàng Lương - Hiệp Hoà - Bắc Giang	-	9,2	7,1	Đạt	
32	Nguyễn Văn Khoa	CNTT32	08/5/1996	Lục Ngạn - Bắc Giang	CNTTCB15	5,0	5,5	Đạt	
33	Nguyễn Khắc Liêm	CNTT33	27/8/1995	Minh Đức - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB15	6,5	5,3	Đạt	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp TT	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
34	Nguyễn Thuỳ Linh	CNTT34	10/8/1996	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB09	6,2	5,5	Đạt	
35	Ngô Thắng Lợi	CNTT35	13/11/1995	Tam Tiến - Yên Thế - Bắc Giang	-	7,0	5,0	Đạt	
36	Hoàng Thị Lường	CNTT36	20/10/1996	Yên Bình - Quang Bình - Hà Giang	CNTTCB07	8,2	6,8	Đạt	
37	Hứa Văn Minh	CNTT37	31/8/1991	Chi Lăng - Trạng Định - Lạng Sơn	CNTTCB05	5,7	5,1	Đạt	
38	Nông Văn Nam	CNTT38	19/10/1995	An Lập - Sơn Động - Bắc Giang	-	8,0	5,5	Đạt	
39	Trịnh Thị Minh Nga	CNTT39	19/9/1996	Ngọc Châu - Tân Yên - Bắc Giang	CNTTCB05	7,7	5,0	Đạt	
40	Nguyễn Xuân Quang	CNTT40	10/10/1969	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB14	-	-	-	bảo lưu
41	Nguyễn Minh Sơn	CNTT41	14/11/1995	Tân Sỏi - Yên Thế - Bắc Giang	CNTTCB14	7,2	5,0	Đạt	
42	Bùi Quốc Thắng	CNTT42	11/4/1996	Ngọc Lý - Tân Yên - Bắc Giang	CNTTCB05	6,7	5,5	Đạt	
43	Nguyễn Tiến Thành	CNTT43	06/02/1995	Tiên Du - Bắc Ninh	CNTTCB14	6,5	5,0	Đạt	
44	Bùi Thị Thảo	CNTT44	24/6/1995	Mỹ An - Lục Ngạn - Bắc Giang	CNTTCB15	6,7	5,0	Đạt	
45	Đỗ Văn Thảo	CNTT45	15/6/1996	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB03	7,2	5,0	Đạt	
46	Hoàng Phương Thảo	CNTT46	06/7/1994	Xuân Đám - Cát Hải - Hải Phòng	CNTTCB14	7,7	8,5	Đạt	
47	Thân Thị Thu Thảo	CNTT47	03/8/1995	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	THB-8	8,7	8,5	Đạt	
48	Đào Thị Thu	CNTT48	08/11/1987	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB15	8,0	5,0	Đạt	
49	Vũ Thị Hoài Thu	CNTT49	17/10/1988	TT.Phát Diệm - Kim Sơn - Ninh Bình	CNTTCB15	7,2	8,5	Đạt	
50	Dương Ngô Thuần	CNTT50	13/02/1972	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB14	5,0	5,0	Đạt	
51	Bùi Mạnh Trí	CNTT51	18/9/1996	Quy Hậu - Tân Lạc - Hoà Bình	CNTTCB15	8,0	6,9	Đạt	
52	Âu Văn Triệu	CNTT52	27/5/1995	Sa Lý - Lục Ngạn - Bắc Giang	-	5,0	5,0	Đạt	

TT	Họ và tên	SBD	Ngày sinh	Nơi sinh	Tên lớp TT	Điểm		Kết quả	Ghi chú
						Trắc nghiệm	Thực hành		
53	Nguyễn Ngọc Tú	CNTT53	21/11/1994	Vân Trung - Việt Yên - Bắc Giang	CNTTCB14	5,0	5,0	Đạt	
54	Hoàng Văn Tuyển	CNTT54	21/12/1994	Hoàng Việt - Văn Lãng - Lạng Sơn	-	8,0	5,0	Đạt	
55	Hoàng Khánh Vân	CNTT55	18/3/1994	Xã Đình Lập - Đình Lập - Lạng Sơn	CNTTCB14	7,5	6,3	Đạt	
56	Trần Thị Vi	CNTT56	29/5/1995	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	THB-8	5,7	8,5	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 56

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: 01

Số thí sinh bỏ thi: 0

Số thí sinh dự thi: 55

Số thí sinh đạt yêu cầu: 55

Số thí sinh không đạt yêu cầu: 0

Bắc Giang, ngày 05 tháng 7 năm 2017

Chủ tịch Hội đồng thi

(Đã ký)

Ths. Đỗ Thị Huyền

Thư ký

(Đã ký)

Phan Văn Cường